

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **83/2025/DS-ST**

Ngày: 12-9-2025

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Giang

Ông Đặng Quang Hoạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 218/2025/TLST-DS ngày 29/4/2025 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 261/2025/QĐ-HPT ngày 29/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N (A)

Trụ sở tại: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường G, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc H – Chức vụ: Phó giám đốc A (theo Quyết định số 54/QĐ-NHNo.TN-TH ngày 12/03/2025 của Giám đốc A chi nhánh huyện T Bắc Đồng Nai).

Địa chỉ liên hệ: Quốc lộ A, ấp C, xã T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1963 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1992

Cùng trú tại: Tổ C, ấp C, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là tổ C, ấp C, xã A, tỉnh Đồng Nai).

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trình bày:**

Ngày 08/01/2024, Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Nguyễn Văn T ký hợp đồng tín dụng số 5905/LAV-2024 00050. Theo đó, Ngân hàng cho bà L và ông T vay theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2025 và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2028 của Chính phủ về Chính sách tín dụng phát triển Nông nghiệp, nông thôn. Bà L và ông T đã được giải ngân số tiền là 170.000.000đ, thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất trong hạn là 8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay là để bù đắp chi phí nuôi heo thịt. Hình thức trả nợ: trả lãi 3 tháng/lần vào ngày 20 hàng tháng. Bên vay đồng ý đăng ký thu nợ tự động trong tài khoản số 5905205398175 của bà L tại Ngân hàng.

Ngân hàng hiện đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 364009 được UBND huyện T (cũ) cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc L ngày 22/6/2006, đối với thửa đất số 1227, tờ bản đồ số 03, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai để làm tin.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L và ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi 3 kỳ liên tiếp, kể từ ngày 08/01/2024. Đến kỳ thứ 4 là ngày 08/01/2025 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Ngày 08/01/2025, 20/02/2025, 20/3/2025 Ngân hàng đã lập biên bản làm việc với bà L nhưng bà L không thực hiện đúng cam kết trả nợ. Nên ngày 18/4/2025, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L và ông T có nghĩa vụ thanh toán số tiền 186.841.644 đồng, trong đó: số tiền gốc là 170.000.000đ; số tiền nợ lãi trong hạn là 12.221.370 đồng; số tiền lãi quá hạn là 4.620.274 đồng (tính đến ngày 12/9/2025) và tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng và Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 08/02/2024 đã giao kết đến ngày thanh toán hết nợ. Ngoài ra, Ngân hàng không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

*** Bị đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Nguyễn Văn T:** Vắng mặt suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đồng Nai:

Về thủ tục tố tụng: Về việc thụ lý đơn, xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa và người tham gia tố tụng được đảm bảo.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn T.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 186.841.644 đồng, trong đó: số tiền gốc là 170.000.000đ; số tiền nợ lãi trong hạn là 12.221.370 đồng; số tiền lãi quá hạn là 4.620.274 đồng (tính đến ngày 12/9/2025); Kể từ ngày 13/9/2025, bà L và ông T chậm thanh toán số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất thỏa thuận trong hợp

đồng tín dụng và Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 08/02/2024 cho đến khi thanh toán xong; Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 364009 được UBND huyện T (cũ), tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/6/2006 cho bà Nguyễn Thị Ngọc L; Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo khoản 3 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số 5905/LAV-2024 00050 ngày 08/01/2025, thể hiện: Giữa Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Nguyễn Văn T có thỏa thuận nếu phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền giải quyết. Trong khi đó, bị đơn có nơi cư trú tại xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã A, tỉnh Đồng Nai) nên thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (nay là TAND Khu vực 3 – Đồng Nai) là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt:* Bị đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Nguyễn Văn T đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ 02 lần tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Quốc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp toàn bộ hồ sơ vay vốn như: Hợp đồng tín dụng số 5905/LAV-2024 00050 ngày 08/01/2024, Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 08/01/2024, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 364009 được UBND huyện T (cũ) cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc L ngày 22/6/2006, đối với thửa đất số 1227, tờ bản đồ số 03, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Căn cước công dân của bà L và chứng minh nhân dân của ông T; Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; Hợp đồng ủy quyền ngày 01/3/2022. Và tại mục 10 Phần II của Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ thể hiện: “*Phương thức giải ngân: chuyển khoản 170.000.000 đồng. Bên thụ hưởng: NGUYỄN THỊ NGỌC L, số tài khoản: 5905205398175 mở tại A*”. Thông tin này phù hợp với thông tin tại Sổ phụ (BL 62) thể hiện số tài khoản của bà L ghi “có” số tiền 170.000.000 đồng vào ngày 08/01/2024. Điều này chứng tỏ, bà L đã được Ngân hàng giải ngân số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 5905/LAV-2024 00050 ngày 08/01/2025 đã giao kết giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L mới thanh toán được 03 kỳ trả lãi và vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 08/01/2025 cho đến nay. Căn cứ lịch sử giao dịch tiền vay (BL 61) về việc thu lãi vào các ngày: 26/4/2024 thu lãi 3.837.808đ; ngày 01/8/2024 thu lãi 3.390.685đ và ngày

23/10/2024 thu lãi 3.427.945đ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định giao kết hợp đồng tín dụng ngày 08/01/2024 giữa Ngân hàng và bà L, ông T là có thật.

[2.2] Tại Công văn số 20/CV-CAX ngày 23/7/2025 của Công an xã A, tỉnh Đồng Nai, thể hiện: “bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1963 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Hiện nay bà L đang sinh sống tại địa phương, ông T không sinh sống tại địa phương”. Như vậy, việc ông T bỏ đi khỏi địa phương nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết về địa chỉ cư trú mới, không đến Tòa án làm việc là cố tình giấu địa chỉ và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật và đảm bảo bà L và ông T nhận được thông tin về văn bản được cấp, tổng đạt nhưng bà L và ông T không có ý kiến giải trình hay phản đối là từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình.

[2.3] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, đã có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Nên căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 thì bà L và ông T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 186.841.644 đồng, trong đó: số tiền gốc là 170.000.000 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 12.221.370 đồng; số tiền lãi quá hạn là 4.620.274 đồng (tính đến ngày 12/9/2025). Theo yêu cầu của Ngân hàng, kể từ ngày 13/9/2025 cho đến khi bà L và ông T thi hành án xong khoản tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng, bà L và ông T còn phải trả cho Ngân hàng các khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5905/LAV-2024 00050 và Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 08/01/2024 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thanh toán là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

[3] Về án phí: Bà L và ông T phải chịu số tiền 9.342.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đồng Nai về tố tụng, về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn T về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

- Buộc Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N số tiền **186.841.644 đồng** (Một trăm tám mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng) (tính đến ngày 12/9/2025), trong đó:

+ Số tiền gốc là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng);

+ Số tiền nợ lãi trong hạn là 12.221.370 đồng (Mười hai triệu hai trăm hai mươi một nghìn ba trăm bảy mươi đồng);

+ Số tiền lãi quá hạn là 4.620.274 đồng (Bốn triệu sáu trăm hai mươi nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng).

Kể từ ngày 13/9/2025, bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn T chậm thanh toán số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5905/LAV-2024 00050 và Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 08/01/2024 cho đến khi thanh toán xong.

- Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 364009 được UBND huyện T (cũ), tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/6/2006 cho bà Nguyễn Thị Ngọc L, đối với thửa đất số 1227, tờ bản đồ số 03, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã A, tỉnh Đồng Nai).

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn T phải nộp số tiền 9.342.000 đồng (Chín triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 4.451.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm năm mươi một nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0001139 ngày 26/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (nay là Thi hành án Dân sự tỉnh Đ).

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cũng bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KN3-ĐN;
- THADS t.Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thùy Dung